

Số: 63 /CBTT-BSGHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*Pursuant to Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market, Saigon – Hanoi Beer Joint Stock Company hereby discloses its audited Semi-annual financial statements 2026 to the Hanoi Stock Exchange as follows:*

1. Thông tin tổ chức/ Organization information

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI  
**Organization name:** SAIGON – HANOI BEER JOINT STOCK COMPANY
- Mã chứng khoán: BSH  
**Stock code:** BSH
- Địa chỉ: A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Xuân Phương, Hà Nội  
**Address:** A2CN8 Tu Liem Industrial Cluster, Xuan Phuong Ward, Hanoi
- Điện thoại/Tel: (+84) 4 3765 3338  
Fax: (+84) 4 3765 3336
- Email: info@sabecohanoi.com.vn  
Website: [www.sabecohanoi.com.vn](http://www.sabecohanoi.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ Disclosed information:

- BCTC bán niên năm 2026/ 2026 Audited semi-annual financial statements;  
BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ Separate financial statements (Listed companies without subsidiaries and whose parent accounting unit has a subsidiary); ☒
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ Consolidated financial statements (Listed companies has subsidiaries); ☐
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ Consolidated financial statements (Listed companies with a subsidiary accounting unit and a separate accounting system). ☐
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ Cases that require an explanation of the cause:



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *The after-tax profit in the income statement for the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year::*

Có/ yes ☒

Không/ no ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory document in case of yes:*

Có/ yes ☒

Không/ no ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *Net profit after tax in the reporting period shows a loss, shifting from a profit in the same period of the previous year to a loss in this period, or vice versa.:*

Có/ yes ☐

Không/ No ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory document in case of yes:*

Có/ Yes ☐

Không/ No ☒

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/.8./2026 tại đường dẫn/ *This information was published on the company's website on: 13/.8./2026 at the following link: <http://www.sabecohanoi.com.vn/tin-co-dong/thong-tin-co-dong.html>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/ *We hereby declare that the information published above is true and accurate, and we assume full legal responsibility for its content.*

**Tài liệu đính kèm/ Attachments:**

BCTC bán niên năm 2026

2026 Audited semi-annual

financial statements

Văn bản giải trình

Explanatory document

Đại diện tổ chức  
ON BEHALF OF THE COMPANY

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN

AUTHORIZED PERSON

IN CHARGE OF INFORMATION DISCLOSURE



VƯƠNG THỪA ĐẠI



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI  
Saigon – Hanoi Beer Corporation**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 64  
(Giải trình BCTC giữa niên độ cho giai đoạn 6  
tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026/  
Explanation of the interim financial statements for  
the 6-month period ended June 30, 2026)

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026  
Hanoi, Aug 12, 2026

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội**

**To: - State Securities Commission  
- Hanoi Stock Exchange**

Tên tổ chức/ Name of Organization : Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội/ Saigon – Hanoi Beer Corporation

Mã chứng khoán/ Stock code: BSH

Địa chỉ/ Address: A2 CN8 cụm CN Từ Liêm – Phường Phương Canh – Quận Nam Từ Liêm – Hà Nội/ A2CN8 - Tu Liem industrial cluster – Phuong Canh ward – Nam Tu Liem district – Hanoi

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính về việc công bố thông tin, Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội giải trình báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 cụ thể như sau:

Pursuant to Circular 96/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance on information disclosure, Saigon - Hanoi Beer Corporation explains the interim financial statements for the 6-month period ended June 30, 2026 as follows

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ Business performance report:

| KHOẢN MỤC/ ITEM                                                                                                  | 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6<br>6 months ending June 30 |                 | Tăng/Increase<br>Giảm/Decrease | Tỷ lệ/<br>Percent |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-------------------|
|                                                                                                                  | 2026                                                        | 2025            |                                |                   |
|                                                                                                                  | 1                                                           | 2               |                                |                   |
| A                                                                                                                |                                                             |                 | 3=(1-2)                        | 4=(3/2)           |
| 1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ/Revenue from sales of goods                                                  | 288.922.156.395                                             | 245.912.439.052 | 43.009.717.343                 | 17%               |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions                                                               |                                                             |                 |                                |                   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue                                                  | 288.922.156.395                                             | 245.912.439.052 | 43.009.717.343                 | 17%               |
| 4. Giá vốn hàng bán/ Cost of sales                                                                               | 258.107.994.589                                             | 233.465.711.267 | 24.642.283.322                 | 11%               |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross profit                                                   | 30.814.161.806                                              | 12.446.727.785  | 18.367.434.021                 | 148%              |
| 6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư/ Gain/loss on sale and disposal of investment property | -                                                           | -               | -                              |                   |
| 7. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income                                                               | 5.344.054.373                                               | 4.769.601.554   | 574.452.819                    | 12%               |



|                                                                              |                |               |                |        |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|----------------|--------|
| 8. Chi phí tài chính/ <i>Financial expenses</i>                              | 411.285.641    | 40.750.684    | 370.534.957    | 909%   |
| 9. Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>                                 | 1.102.831.077  | 1.376.101.838 | (273.270.761)  | -20%   |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>General and administration expenses</i> | 8.890.464.528  | 8.940.805.759 | (50.341.231)   | -1%    |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ <i>Net operating profit</i>     | 25.753.634.933 | 6.858.671.058 | 18.894.963.875 | 275%   |
| 12. Thu nhập khác/ <i>Other income</i>                                       | 390.128.178    | 97.793.061    | 292.335.117    | 299%   |
| 13. Chi phí khác/ <i>Other expenses</i>                                      | 17.745.251     | 1.185.480     | 16.559.771     | 1.397% |
| 14. Lợi nhuận khác/ <i>Results of other activities</i>                       | 372.382.927    | 96.607.581    | 275.775.346    | 285%   |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Accounting profit before tax</i>   | 26.126.017.860 | 6.955.278.639 | 19.170.739.221 | 276    |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ <i>Income tax expense -current</i>          | 5.351.028.636  | 1.523.199.144 | 3.827.829.492  | 251%   |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ <i>Income tax expense - deferred</i>         | 67.172.324     | 37.694.543    | 29.477.781     | 78%    |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ <i>Net Profit after tax</i>    | 20.707.816.900 | 5.394.384.952 | 15.313.431.948 | 284%   |

Giải trình/ *Explanation:*

Kết quả kinh doanh trong nửa đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tiêu thụ tăng và lợi nhuận gộp được cải thiện nhờ tối ưu hóa chi phí giá vốn /*Business results in the first half of 2026 increased year-over-year, driven by higher sales volume and improved gross profit margins through cost of goods sold optimization*

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội về sự biến động lợi nhuận sau thuế giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty./ *The above is the explanation of Saigon - Hanoi Beer Corporation reporting to the State Securities Commission and the Hanoi Stock Exchange on the change on the profit after tax on the interim financial statements for the 6-month period ended June 30, 2026 of the Company.*

Trân trọng ./.

Regard./.

GIÁM ĐỐC  
*Director*  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN  
- HÀ NỘI  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
LÊ VIỆT QUÝ

